|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**PHỤ LỤC**

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ***(Kèm theo Quyết định số 63/QĐ-THĐH ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Trường Tiểu học Đằng Hải)*

| **STT** | **Tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Điểm thành phần** | **Mức độ** | **Ghi chú,  minh chứng** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Chuyển đổi số trong dạy, học** | **100** |  |  |  | |
|  | Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm) |  | Điều kiện bắt buộc |  | - Kế hoạch số: 36/ KH – THĐH ngày 06/10/2022 của trường TH Đằng Hải về Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến. | |
|  | Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến |  | Điều kiện bắt buộc |  | - Quy chế số: 06/ QC- THĐH ngày 06/10/2022 của trường TH Đằng Hải về quy chế tổ chức dạy học trực tuyến. | |
|  | Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:  - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) | 18/ 30 điểm | 6/6 điểm | |  | | --- | | **Mức độ 2**  **(18 điểm)** |   Mức độ 1: dưới 10 điểm  Mức độ 2: từ 10 -20 điểm  Mức độ 3: trên 20 điểm | - Phần mềm Microsoft Teams; Google Meet, Zoom Cloud Meettings. | |
| - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).  - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:  (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;  (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;  (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;  (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh. | 12/24 điểm | -Hệ thống quản lý học tập trực tuyến trên phần mềm [giáo viên giao bài cho HS tự học và trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh:https://olm.vn/lop/.5568412/bai-tap/114465030](giáo%20viên%20giao%20bài%20cho%20HS%20tự%20học%20và%20trả%20lời%20(giải%20đáp)%20các%20câu%20hỏi%20của%20học%20sinh%20https://olm.vn/lop/.5568412/bai-tap/114465030)  -Tổ chức kiểm tra đánh giá thường xuyên:Link:<https://khaosat.me/survey/toan3-chu-de-4-on-tap-hinh-chu-nhatchu-vi-hinh-chu-nhat-bai-khao-sat-so-1.a92203e> | |
|  | Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt). | 10/10 | 10/10 điểm | |  | | --- | | **Mức độ: 3**  **(10 điểm)** |   Mức độ 1: dưới 4 điểm  Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm  Mức độ 3: trên 7 điểm | -Kho học liệu bài giảng điện tử trên cổng thông tin điện tử của trường: số lượng 45 bài <https://thdanghai.haiphong.edu.vn/kho-hoc-lieu-bai-giang-dien-tu/cmb/169>  - Đường link trang youtube riêng của trường về bài giảng điện tử.  <https://www.youtube.com/playlist?list=PLgqSa5ICHPI8PFPDx5KSrulTGsCbCYle1> | |
|  | Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm) | 14/20 | 14/15 điểm | |  | | --- | | **Mức độ: 2**  **(14 điểm)** |   Mức độ 1: dưới 8 điểm  Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm  Mức độ 3: trên 14 điểm | -Tổ chức chuyên đề chuyên môn cấp trường có triển khai phần mềm đánh giá kết quả học tập học sinh Plicker.Đường dẫn link: <https://www.plickers.com/library> Báo cáo chuyên đề, kế hoạch bài dạy kèm theo. | |
| Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường | 0/5 điểm |
|  | Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:  - Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu | 20/20 | 7/7 điểm | |  | | --- | | **Mức độ 3:**  **(20 điểm)** |   Mức độ 1: dưới 8 điểm  Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm  Mức độ 3: trên 14 điểm | - Nhà trường có 60/60 (100%) GV có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến tại https://taphuan.csdl.edu.vn *(danh sách đính kèm)* | |
| - Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học | 7/7 điểm | - Nhà trường có 60/60 (100%(GV có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học (*kế hoạch bài dạy của GV*, *danh sách đính kèm)* | |
| - Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử | 6/6 điểm | - Nhà trường có 60/60 (100%)GV giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử*(danh sách đính kèm)* | |
|  | Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:  - Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học | 13/20 | 8/8 điểm | |  | | --- | | **Mức độ: 2**  **(13 điểm)** |     Mức độ 1: dưới 8 điểm  Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm  Mức độ 3: trên 14 điểm | Nhà trường có 34/34 (100%) phòng học và phòng chức năng có máy vi tính kết nối internet, ti vi – máy chiếu, loa âm thanh.  + Kiểm kê tài sản các phòng học cuối năm học 2022-2023.  *+* Hình ảnh lớp học.  + Hợp đồng cung cấp mạng internet 2 khu của trường*.* | |
| - Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học[[1]](#footnote-1) | 5/5 điểm  Mức độ 2 | - Mức độ 2: 2-3 học sinh học môn Tin chung 01 máy vi tính.  + Hình ảnh học sinh học Tin học. | |
| - Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài gảng điện tử) | 0/5 điểm |  | |
| **Tổng điểm đánh giá và mức độ chuyển đổi số**  **trong dạy học** | | | **75 điểm** | **Mức độ 2** |  |
|  | **Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục** | **100** |  |  |  | |
|  | Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại) |  | Điều kiện bắt buộc |  | -Quyết định số:17/QĐ - THĐH ngày 10/06/2022 v/v kiện toàn Ban chỉ đạo CNTT nhà trường (*kèm theo phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên)* | |
|  | Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số |  | Điều kiện bắt buộc |  | - Kế hoạch số 35/ KH- THĐH ngày 06/10/2022 của trường TH Đằng Hải về kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2022 – 2023. | |
|  | Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):  - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường | 58/70 | 8/8 điểm | |  | | --- | | **Mức độ:3** |   Mức độ 1: dưới 20 điểm  Mức độ 2: từ 20-50 điểm  Mức độ 3: trên 50 điểm | -Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường:Link Cơ sở dữ liệu ngành GD Hải Phòng  <https://truong.haiphong.edu.vn/C1/HoSoTruongDetail.aspx>  -Có Quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường số 07/QC- THĐH ngày 06/10/2022. | |
| - Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) | 8/8 điểm | Link: Phân hệ Quản lý học sinh:<https://truong.haiphong.edu.vn/C1/DSHocSinh.aspx> | |
| - Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử | File PDF:  3 điểm; | Link Sổ điểm, học bạ điện tử  :<https://truong.haiphong.edu.vn/C1/InSoTongHopKetQuaGiaoDuc.aspx> ( Đĩa lưu dữ liệu đánh giá kết quả học tập HS năm học 2022-2023) | |
| - Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV | 8/ 8 điểm | Link Phân hệ quản lý đội ngũ trên CSDl ngành:  <https://truong.haiphong.edu.vn/C1/DSGiaoVien.aspx>  + Link  (Missa)<https://truong.haiphong.edu.vn/C1/HoSoTruongDetail.aspx> | |
| - Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất | 10/ 10 điểm | Link CSVC trên csdl ngành <https://truong.haiphong.edu.vn/C1/BaoCaoEQMS_DauNam_CSVC.aspx> | |
| - Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh | 5/ 10 điểm | + Link phân hệ quản lý thông tin sức khỏe học sinh:<https://truong.haiphong.edu.vn/giaoducthechat/c1/nhapthongtinsuckhoehocsinh.aspx> | |
| - Có triển khai phân hệ quản lý kế toán | 8/8 điểm | Link Phân hệ quản lý kế toán: <https://id.misa.vn/> | |
| - Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý) | 8/ 8 điểm | Link CSDL ngành đồng bộ hồ sơ:  <https://truong.haiphong.edu.vn/LienThongDanCu/C1/NhanSuDongBoSoDinhDanhCaNhan.aspx> | |
|  | Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:  - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) | 21/30 | 4/8 điểm | |  | | --- | | **Mức độ:3** |   Mức độ 1: dưới 10 điểm  Mức độ 2: từ 10-18 điểm  Mức độ 3: trên 18 điểm | -Kết nối giữa nhà trường và gia đình qua ứng dụng zalo của các lớp (hình ảnh liên hệ giữa PHHS và GVCN qua zalo nhóm lớp đính kèm)  -Đường link tuyển sinh đầu cấp: <https://truong.haiphong.edu.vn/TuyenSinhDauCap/C1/XetDuyetHoSoTrucTuyen.aspx>  + Kế hoạch tuyển sinh năm học 2022-2023.  + Báo cáo công tác tuyển sinh năm học 2022 – 2023.  -Hình ảnh PHHS nộp các khoản tiền qua tài khoản cho GVCN. | |
| - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: | 12/12 điểm |
| - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt | 5/10 điểm |
| **Tổng điểm đánh giá và mức độ chuyển đổi số trong quản trị CSGD** | | | **79** | **Mức độ 3** |  |

1. **KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

Kết luận của đoàn kiểm tra, đánh giá: Mức độ chuyển đổi số của Trường Tiểu học Đằng Hải năm học 2022 -2023 đạt:

Chuyển đổi số trong dạy, học: Mức độ 1: □ Mức độ 2: ⌧ Mức độ 3: □

Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: Mức độ 1: □ Mức độ 2: □ Mức độ 3: ⌧

1. **Mức độ 1** (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. **Mức độ 2** (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2-3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính. **Mức độ 3** (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính. [↑](#footnote-ref-1)